

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2024/HNGĐ- ST**
Ngày : 22-3-2024
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Sáu**

2. Bà **Trần Thị Quế**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L không tham gia phiên tòa.*

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 251/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 giữa các đŭ sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Triệu Thị ũ**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 4, xã B' Lá, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 7, xã Lộc Quảng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

(chị Triệu Thị ũ và anh Bùi Văn L có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Triệu Thị ũ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị ũ và anh Bùi Văn L chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B' Lá, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia

đình. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, anh L không chăm lo cho gia đình, khi xảy ra mâu thuẫn anh L có đánh đập chị U'. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không được, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy chị Triệu Thị U' đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 chung là Bùi Trọng H, sinh ngày 05/11/2011 và Bùi Trọng H, sinh ngày 17/11/2014. Ly hôn chị Triệu Thị U' yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị Triệu Thị U' không yêu cầu anh Bùi Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Triệu Thị U' trình bày chị và anh Bùi Văn L không có tài sản chung nào nên chị Triệu Thị U' không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Triệu Thị U' trình bày chị và anh Bùi Văn L không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn L và chị Triệu Thị U' chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B' Lá, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, kinh tế. Tuy nhiên anh L không muốn ly hôn nhưng nếu chị U' quyết ly hôn thì anh L cũng đồng ý ly hôn với chị Triệu Thị U'.

Về con chung: Anh Bùi Văn L trình bày quá trình chung sống anh và chị Triệu Thị U' có một 02 chung là Bùi Trọng H, sinh ngày 05/11/2011 và Bùi Trọng H, sinh ngày 17/11/2014. Ly hôn anh Bùi Văn L yêu cầu nhận nuôi con chung là Bùi Trọng H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh L đồng ý giao con chung là Bùi Trọng H cho chị U' nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn L không yêu cầu chị Triệu Thị U' phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Bùi Văn L trình bày anh và chị Triệu Thị U' có tạo lập được một số tài sản chung, ly hôn anh Bùi Văn L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Bùi Văn L trình bày anh và chị Triệu Thị U' không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/3/2024 nhưng không thành do bị đơn anh Bùi Văn L có đơn đề nghị vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và có đơn đề nghị vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

II. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Chị Triệu Thị U' yêu cầu giải quyết về ly hôn, giải quyết về con chung với anh Bùi Văn L, có địa chỉ tại Thôn 7, xã Lộc Quảng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo L.

III. Về nội dung vụ án:

{1} Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị U' và anh Bùi Văn L chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B' Lá, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Theo chị U' quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, anh L không chăm lo cho gia đình, khi xảy ra mâu thuẫn anh L có đánh đập chị U'. Còn theo anh L thì mâu thuẫn chính của vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, kinh tế. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không được, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy chị Triệu Thị U' đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn L còn anh L mặc dù không muốn ly hôn nhưng chị U' quyết ly hôn thì anh L cũng đồng ý ly hôn với chị U'.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã nhiều lần hòa giải nhưng không hàn gắn tình cảm được, cả chị Triệu Thị U' và anh Bùi Văn L đều đồng ý được ly hôn nên căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Triệu Thị U' và anh Bùi Văn L được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} Về con chung: Xét lời khai của chị Triệu Thị U' và anh Bùi Văn L, căn cứ vào giấy khai sinh chị Triệu Thị U' nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống chị Triệu Thị U' và anh Bùi Văn L có 02 người con chung là Bùi Trọng H, sinh ngày 05/11/2011 và Bùi Trọng H, sinh ngày 17/11/2014.

Ly hôn chị Triệu Thị U' có yêu cầu được nhận nuôi cả 02 chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Còn anh Bùi Văn L yêu cầu được nhận nuôi con chung là Bùi Trọng H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, đồng ý giao con chung là Bùi Trọng H cho chị U' chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên quá trình vợ chồng sống ly thân thì cả 02 con chung đều do chị U' chăm sóc và nuôi dưỡng, cả 02 cháu đang theo học tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bé Văn Đàn. Cả 02 cháu Hoàng và cháu Huân đều có nguyện vọng được ở với mẹ để đảm bảo cho việc học tập.

Quá trình chị Triệu Thị U' chăm sóc nuôi dưỡng cháu Bùi Trọng H và Bùi Trọng H thì các cháu phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần.

Xét nguyện vọng nuôi con và giao con của chị Triệu Thị U' là có cơ sở và đúng pháp luật, vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con và không làm xáo trộn cuộc sống của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là Bùi Trọng H, sinh ngày 05/11/2011 và Bùi Trọng H, sinh ngày 17/11/2014 cho chị Triệu Thị U' nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị U' không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{3} *Về tài sản chung*: Chị Triệu Thị U' trình bày quá trình chung sống hai người không có tài sản chung còn anh Bùi Văn L trình bày vợ chồng có tạo lập được một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{4} *Về nợ chung*: Chị Triệu Thị U' và anh Bùi Văn L trình bày quá trình chung sống hai người không có nợ chung nên không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Triệu Thị U' phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị U' đối với anh Bùi Văn L về việc “*Xin ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị U' và anh Bùi Văn L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Trọng H, sinh ngày 05/11/2011 và Bùi Trọng H, sinh ngày 17/11/2014 cho chị Triệu Thị U' nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

“Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

3. Về án phí: Buộc chị Triệu Thị U' phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Triệu Thị U' đã nộp tại biên

lai nộp tiền số 00013094 ngày 31/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Chị Triệu Thị U đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND xã B'Lá;
- Các đU sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Thị Hà Vi

